

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **395/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/8/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Thế Tụng**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Phụng** – Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNST ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Thanh Kim A**, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trương Thanh Kim A trình bày: chị và anh B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 30/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh B không lo làm ăn lo cho gia đình. Khi kết hôn vợ chồng chị A đi làm ở Sài Gòn, sau đó vợ chồng về quê sinh sống nhưng chị A sống ở nhà mẹ ruột còn anh B ở nhà anh B, chạy đi chạy về. Chị A và anh B sống ly thân tháng 02/2019. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trương Thanh E sinh ngày 18/11/2007 và Nguyễn Trương Kim F sinh ngày 12/10/2014 hiện 02 con đang sống với chị A, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị Trương Thanh Kim A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện, chị trình bày anh và chị đã ly thân không còn chung sống từ năm 2019 nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Trương Thanh E sinh ngày 18/11/2007 và Nguyễn Trương Kim F sinh ngày 12/10/2014 hiện 02 con đang sống với chị A, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/x02 con thành tiền là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Trương Thanh Kim A về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Nguyễn Thanh B có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị A xin ly hôn với anh B nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Trương Thanh Kim A và anh Nguyễn Thanh B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, cưới nhau do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 30/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh B không lo làm ăn lo cho gia đình, chị A, anh B sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B, đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B nhưng anh B vẫn không đến tham dự phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trương Thanh E sinh ngày 18/11/2007 và Nguyễn Trương Kim F sinh ngày 12/10/2014, cháu Thanh E có trình bày ý kiến nguyện vọng được sống với chị A, hai cháu từ nhỏ đã được chị A chăm sóc nuôi

đường, có cuộc sống ổn định, học tập tốt nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con. Xét thấy yêu cầu này của chị A là có cơ sở vì anh Nguyễn Thanh B có khả năng thực tế cấp dưỡng vào nhu cầu sinh hoạt thiết yếu để nuôi dưỡng chăm sóc của 02 con chung do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị A và anh B mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2019 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh B.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trương Thanh E sinh ngày 18/11/2007 và Nguyễn Trương Kim F sinh ngày 12/10/2014, cháu Thanh E có trình bày ý kiến nguyện vọng được sống với chị A, hai cháu từ nhỏ đã được chị A chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, học tập tốt nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời chấp nhận yêu cầu xin cấp dưỡng của chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/2con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 80, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thanh Kim A.

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thanh Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trương Thanh E sinh ngày 18/11/2007 và Nguyễn Trương Kim F sinh ngày 12/10/2014 cho chị Trương Thanh Kim A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng x 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tròn đủ 18 tuổi lao động được.

Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh B chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Trương Thanh Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003475 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG;
- VKSNDHCG-TG
- Chi cục THADSHCG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng